

S : 161 / Q - T

Vinh, ngày 01 tháng 03 n m 2016

QUY T NH

V vi c Ban hành Quy ch t uy n sinh cao ng h chính quy n m 2016

HI U TR NG TR NG CAO NG V N HÓA NGH THU T NGH AN

- C n c Quy t nh s 1507/Q - BGD& T ngày 23 tháng 3 n m 2004 c a B tr ng B Giáo d c và ào t o v vi c thành l p Tr ng C V n hoá Ngh thu t Ngh An;

- C n c Quy ch t uy n sinh i h c, Cao ng h chính quy ban hành kèm theo Thông t s 03/2015/TT-BGD T ngày 26 tháng 02 n m 2015 c a B tr ng B Giáo d c và ào t o;

- C n c Quy ch thi Trung h c ph thông qu c gia ban hành kèm theo Thông t s 02/2015/TT-BGD T ngày 26 tháng 02 n m 2015 c a B tr ng B Giáo d c và ào t o;

- C n c Quy nh ào t o liên thông cao ng, i h c ban hành kèm theo Thông t s 55/2012/TT-BGD T ngày 26 tháng 02 n m 2012 c a B tr ng B Giáo d c và ào t o;

- Th c hi n công v n s : 525/BGD T-KTK CLGD ngày 03 tháng 02 n m 2016 c a B Giáo d c và ào t o v vi c t ch c k thi THPT Qu c gia và t uy n sinh i h c, cao ng h chính quy n m 2016.

- C n c Thông t s 02/2016/TT-BGD T ngày 10 tháng 03 n m 2016 c a B tr ng B B Giáo d c và ào t o v vi c s a i, b sung m t s i u c a Quy ch thi Trung h c ph thông qu c gia ban hành kèm theo Thông t s 02/2015/TT-BGD T ngày 26 tháng 02 n m 2015 c a B tr ng B Giáo d c và ào t o;

- Thực hiện công văn số : 981/BGD T-KTK CLGD ngày 15 tháng 03 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chỉ đạo công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy năm 2016.

Theo nghị của Ban Trường phòng Đào tạo,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quy định này Quy chế tuyển sinh đại học chính quy năm 2016 của Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An.

Điều 2. Quy định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Mọi người tuyển sinh năm 2016 của nhà trường, thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

Nhấn:

HIỆU TRƯỞNG

- Nhấn Điều 3;

- Lưu: VT, T;

PGS- TS Phan Mạnh Cường

QUY CHẾ TUYỂN SINH CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Quy chế số 1/Q - T ngày 01 tháng 03 năm 2016 của Hội đồng Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An)

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1 Quy chế này quy định về tuyển sinh cao đẳng chính quy năm 2016, bao gồm: tổ chức tuyển sinh, điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, chính sách ưu tiên trong tuyển sinh; tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, cá nhân trong công tác tuyển sinh; Tổ chức tuyển sinh riêng, trình tự, thủ tục; xử lý thông tin phản ánh về phạm vi quy chế tuyển sinh và chế độ báo cáo, lưu trữ; khen thưởng và xử lý vi phạm trong tuyển sinh;

1.2. Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh ở nước ngoài.

2. Tổ chức tuyển sinh

Các tình hình tổ chức tuyển sinh hàng năm, thành tích tổ chức tuyển sinh theo quy định sau:

2.1. Đối với các khối ngành Văn hóa, bao gồm các ngành: Quản lý Văn hóa, Khoa học thể thao, Hướng dẫn viên du lịch, thành tích xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT.

2.2. Đối với các khối ngành Nghệ thuật, bao gồm các ngành: Thanh nhạc, Biểu diễn nhạc cụ truyền thống, Biểu diễn nhạc cụ phương Tây, Sơ phạm Âm nhạc, Sơ phạm Nhạc-Họa-mim-non, Sơ phạm Múa, Họa, Hí họa, thành tích thi theo phương án: Thi tuyển kết hợp với xét tuyển (thi tuyển các môn năng khiếu kết hợp với xét tuyển theo học lực THPT môn Ngữ văn)

3. Đối tượng tuyển sinh

3.1. Tính đến thời điểm xét tuyển hoặc thi tuyển, tất cả thí sinh THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục theo học chuyên) hoặc tất cả thí sinh trung cấp (trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề), sau đây gọi chung là thí sinh thi tuyển trung cấp.

Ng i t t nghi p trung c p nh ng ch a có b ng t t nghi p THPT ph i h c và c công nh n hoàn thành các môn v n hóa trong ch ng trình giáo d c THPT theo quy nh c a B Giáo d c và ào t o.

3.2. Có s c kho h c t p theo quy nh hi n hành; i v i ng i khuy t t t c U ban nhân dân c p t nh công nh n b d d ng, d t t, suy gi m kh n ng t l c trong sinh ho t và h c t p do h u qu c a ch t c hoá h c là con c a ng i ho t ng kháng chi n b nhi m ch t c hoá h c: Hi u tr ng các tr ng xem xét, quy t nh cho d tuy n sinh vào các ngành h c phù h p v i tình tr ng s c kho .

4. Chính sách ưu tiên theo i t ng, theo khu v c

Theo Quy ch tuy n sinh i h c, cao ng h chính quy ban hành kèm theo Thông t s 03/2015/Q -BGD T ngày 26 tháng 02 n m 2015 c a B tr ng B Giáo d c và ào t o, Công v n s : 981/BGD T-KTK CLGD ngày 15 tháng 03 n m 2016 c a B Giáo d c và ào t o v i c h ng d n t ch c công tác tuy n sinh i h c, cao ng h chính quy n m 2016.

5. Ch tiêu, k ho ch tuy n sinh và thông báo tuy n sinh.

5.1. Ch tiêu tuy n sinh.

C n c vào vi c ng ký ch tiêu tuy n sinh n m 2016 c a nhà tr ng; C n c Quy t nh giao ch tiêu hàng n m c a UBND t nh Ngh An. Trong ó:

* Các ngành ào t o cao ng h chính quy (510 ch tiêu):

Tên tr ng. Ngành h c.	Ký hi u tr ng	Mã ngành	Môn thi/ xét tuy n	T ng ch tiêu
CAO NG V N HÓA NGH THU T NGH AN	CVV			510
Qu n lí V n hóa		C220342	Toán, Lý, Hóa ho c Toán, Lý, Anh ho c V n, S , a ho c Toán, V n, Ngo i ng	80
Khoa h c Th vi n		C320202		80
V i t Nam h c (chuyên ngành: H ng d n viên Du l ch)		C220113		80
Bi u di n nh c c truy n th ng		C210210	N00	15

Bí u di n nh c c ph ng Tây		C210207	N00	15
Thanh nh c		C210205	N00	25
S ph m Âm nh c		C140221	N00	60
S ph m Âm nh c (Chuyên ngành: S ph m Nh c- H a M m non)				50
S ph m M thu t		C140222	H00	50
h a		C210104		30
H i h a		C210103		25

5.2. K ho ch tuy n sinh:

Phòng ào t o, H i ng ào t o nhà tr ng c n c tình hình th c ti n, c n c nhu c u xã h i và c a ng i h c tham m u v i Hi u tr ng phê duy t danh m c ngành ào t o, phân b ch tiêu tuy n sinh cho t ng ngành ào t o và k ho ch tuy n sinh n m 2016.

5.3. Thông báo tuy n sinh.

5.3.1. Hi u tr ng ký thông báo tuy n sinh công b công khai: Ch tiêu tuy n sinh theo t ng trình ào t o; hình th c tuy n sinh, i t ng tuy n sinh, vùng tuy n sinh và th i h n nh n h s ng ký thi tuy n ho c xét tuy n; th i gian nh p h c chính trong n m.

5.3.2. Phòng ào t o liên h thông báo tuy n sinh t i các s Giáo d c - ào t o, s Lao ng - Th ng binh và Xã h i, UBND huy n, các tr ng THPT, THCS các Trung tâm GDTX, các doanh nghi p... trên à bàn tuy n sinh.

5.3.3. Thông báo trên các thông tin i chúng c a t nh và m t s a ph ng lân c n.

5.4. Tì p nh n h s :

Ban th ký H i ng tuy n sinh ch u trách nhi m tì p nh n và qu n lý h s , l p danh sách có trích ngang các n i dung c n thi t i v i i t ng xét tuy n cung c p cho H i ng tuy n sinh c a nhà tr ng.

6. Thanh tra, ki m tra, giám sát tuy n sinh

Hi u tr ng, thanh tra tr ng theo th m quy n có trách nhi m thanh tra, ki m tra và ch o H i ng tuy n sinh, ban Th ký H TS, phòng ào t o th c hi n theo úng các quy nh c a Quy ch tuy n sinh i h c, cao ng h chính quy ban hành kèm theo Thông t s 03/2015/Q -BGD T ngày 26 tháng 02 n m 2015 c a B tr ng B Giáo d c và ào t o.

Phần II

CÁC QUY NHẠC TH TRONG CÔNG TÁC TUYỂN SINH

A. TH T C VÀ H S NG KÝ XÉT TUYỂN HO C THI TUYỂN

1. Th t c và h s ng ký xét tuyển ho c thi tuyển

1.1. Thí sinh có thể ng ký xét tuyển ho c thi tuyển i v i các ngành cao ng h chính quy.

1.2. H s ng ký xét tuyển s d ng k t qu c a k thi THPT Qu c gia dành cho các ngành: Khoa h c th vi n, Qu n lý v n hóa, H ng d n viên Du l ch, g m có:

1.2.1. Phi u KXT có ghi rõ t xét tuyển, cho phép thí sinh ng ký t i a 2 ngành (ho c nhóm ngành) cho m i t xét tuyển. Các nguy n v ng này c x p theo th t u tiên t 1 n 2;

1.2.2. B n phô tô Gi y ch ng nh n k t qu thi THPT Qu c gia n m 2016;

1.2.3. B ng t t nghi p THPT ho c gi y ch ng nh n t t nghi p THPT (b n sao có công ch ng);

1.2.4. Hai phong bì ã dán s n tem và ghi rõ a ch liên l c c a thí sinh tr ng thông báo k t qu xét tuyển.

1.3. H s ng ký xét tuyển s d ng k t qu n m h c l p 12 THPT dành cho các ngành: Khoa h c th vi n, Qu n lý v n hóa, H ng d n viên Du l ch, g m có:

1.3.1. Phi u ng kí xét tuyển (theo m u t i t trang web c a tr ng);

1.3.2. H c b THPT (b n sao có công ch ng);

1.3.3. B ng t t nghi p THPT ho c gi y ch ng nh n t t nghi p THPT (b n sao có công ch ng);

1.3.4. Các gi y t xác nh n u tiên (n u có);

1.3.5. Hai phong bì ã dán s n tem và ghi rõ a ch liên l c c a thí sinh tr ng thông báo k t qu xét tuyển.

1.4. Hồ sơ đăng ký thi tuyển kết hợp với xét tuyển kết quả năm học lớp 12 THPT dành cho các ngành: Sư phạm Âm nhạc (CN: Sư phạm Âm nhạc và CN: Sư phạm Nhạc-Họa), Thanh nhạc, Biện luận nhạc cụ truyền thống, Biện luận nhạc cụ phương Tây, Sư phạm Music, Hòa âm và指揮, Âm nhạc có:

1.4.1. Hồ sơ KDT (theo mẫu đính kèm trang web của trường);

1.4.2. Hồ sơ THPT (bản sao có công chứng);

1.4.3. Bảng điểm thi THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (bản sao có công chứng);

1.4.4. Các giấy tờ xác nhận ưu tiên (nếu có);

1.4.5. Mẫu phong bì dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh trường thông báo kết quả thi tuyển.

2. Thủ tục nộp hồ sơ và phí tuyển sinh.

2.1 Thí sinh trực tiếp nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển hoặc thi tuyển cho trường hoặc qua trung gian.

Sau khi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển và thi tuyển, nếu thí sinh phát hiện có nhầm lẫn, sai sót hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung trong hồ sơ thì thông báo và bổ sung ý kiến các giấy tờ hợp pháp cho trường.

2.2. Lệ phí xét tuyển và thi tuyển áp dụng theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thí sinh nộp trực tiếp phí xét tuyển và thi tuyển kèm theo hồ sơ hoặc chuyển cho trường thông qua trung gian.

B. TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUY ĐỊNH CỦA TRƯỜNG TRONG CÔNG TÁC TUYỂN SINH

1. Tổ chức làm công tác tuyển sinh

Hiệu trưởng quy định thành lập Hội đồng tuyển sinh (viết tắt là HĐTS), Ban chấp hành HĐTS, Ban chấp hành HĐTS giúp việc cho HĐTS và thực hiện nhiệm vụ công việc có liên quan đến tuyển sinh, ban chấp hành HĐTS chịu trách nhiệm của Chủ tịch HĐTS.

2. Thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội TS

2.1. Thành phần Hội TS

2.1.1. Chủ tịch: Hi u tr ̄ng ho c Phó Hi u tr ̄ng ph ̄ trách ào t o;

2.1.2. Phó chủ tịch: Phó hi u tr ̄ng;

2.1.3. Ủy viên thường trực: Tr ̄ng Phòng ào t o ho c Phó Tr ̄ng Phòng ào t o;

2.1.4. Các ủy viên: M ̄ t s Tr ̄ng Khoa, Phòng, Trung tâm và Cán b ̄ ph ̄ trách TS.

Nh ̄ng ng ̄ i có ng ̄ i thân (v ̄ , ch ̄ ng, con; b ̄ , m ̄ , anh, ch ̄ , em ru t c a v ̄ , ch ̄ ng) đ ̄ thi hay xét t ̄y n vào tr ̄ng không c ̄ tham gia H ̄ TS c a tr ̄ng trong n ̄ m ó.

2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội TS

2.2.1. Tổ ch ̄ c tri ̄n khai các ph ̄ ng án t ̄y n sinh ã l ̄ a ch ̄ n;

2.2.2. Gi ̄ i quy t th ̄ c m c và khi u n i, t ̄ cáo liên quan ̄n công tác t ̄y n sinh;

2.2.3. Thu và s ̄ d ̄ ng l ̄ phí t ̄y n sinh, l ̄ phí xét t ̄y n;

2.2.4. Tr ̄ng k ̄ t công tác t ̄y n sinh; quy t ̄nh khen th ̄ng, k ̄ lu t theo quy nh;

2.2.5. Tổ ch ̄ c xây d ̄ng, và ̄a vào s ̄ d ̄ng ph ̄n m m t ̄y n sinh phù h ̄p v ̄ i án t ̄y n sinh riêng n ̄ m 2016 ̄ng th ̄ i áp d ̄ng ph ̄n m m t ̄y n sinh chung c a B ̄ Giáo d ̄c và ào t o; báo cáo k p th ̄ i k t qu ̄ công tác t ̄y n sinh cho B ̄ GD T, UBND t ̄nh Ngh ̄ An, S ̄ Giáo d ̄c và ào t o Ngh ̄ An.

2.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội TS

2.3.1. Tổ ch ̄ c th ̄ c hi ̄n và ch ̄ u trách nhi ̄m v ̄ công tác t ̄y n sinh c a tr ̄ng;

2.3.2. Báo cáo v ̄ i B ̄ GD T và các c ̄ quan có trách nhi ̄m v ̄ công tác t ̄y n sinh c a tr ̄ng;

2.3.3. Thành l ̄p các ban giúp vi ̄c cho H ̄ TS tr ̄ng tri ̄n khai công tác t ̄y n sinh.

2.4. Phó Chủ tịch Hội TS tr ̄ng th ̄ c hi ̄n các nhi ̄m v ̄ c Chủ tịch Hội TS phân công và thay m ̄ t Chủ tịch Hội TS gi ̄ i quy t công vi ̄c khi Chủ tịch Hội TS u ̄ quy n.

3. Thành phần, nhiệm vụ và quy định của Ban thi ký H TS

3.1. Thành phần Ban Thi ký H TS, gồm có:

3.1.1. Trưởng ban do Ủy viên thường trực H TS trưởng kiêm nhiệm.

3.1.2. Các ủy viên gồm: Các cán bộ, giảng viên phòng Đào tạo, khoa, phòng và cán bộ công nghệ thông tin.

3.2. Nhiệm vụ và quy định của ban Thi ký H TS:

3.2.1. Công bố các thông tin liên quan như số, thời gian và địa điểm đăng ký thi trên trang thông tin internet của trường và các phương tiện thông tin khác;

3.2.2. Tổ chức như số và lệ phí đăng ký thi tuyển và xét tuyển;

3.2.3. Nhận và rà soát thông tin đăng ký xét tuyển vào phòng tuyển sinh;

3.2.4. Công bố và công khai thông tin đăng ký xét tuyển của thí sinh;

3.2.5. Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình H TS quyết định;

3.2.6. Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;

3.2.7. In và gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh;

3.2.8. Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định tại Điều 15 của Quy chế tuyển sinh hiện hành, Cao đẳng chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

3.2.9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch H TS giao và các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia.

Ban Thi ký H TS chỉ có phép tiến hành công việc liên quan đến kết quả xét tuyển khi có mặt ít nhất 2 người của Ban.

4. Thành phần, nhiệm vụ và quy định của các ban chuyên môn

4.1. Các ban chuyên môn gồm: Ban thi, Ban Coi thi, Ban Chăm thi, Ban Phúc khảo.

4.2. Thành phần, nhiệm vụ và quy định của các Ban chuyên môn:

4.2.1. Ban thi:

a. Thành phần Ban thi

a1. Trưởng ban: Lãnh đạo Hội đồng thi kiêm nhiệm;

a2. Phó Trưởng ban: Lãnh đạo các đơn vị trong Nhà trường;

a3. Các cán bộ số ngân hàng thi, phân bổ thi và lựa chọn thi là giảng viên Nhà trường hoặc các chuyên gia, nhà nghiên cứu. Mỗi môn thi có một tờ ra thi gồm Trưởng môn thi và các cán bộ số thi;

a4. Lực lượng bảo vệ: Cán bộ do Công An tỉnh cử.

Những người có nghĩa thân thi trong năm tổ chức thi không được tham gia Ban ra thi.

b. Nguyên tắc làm việc của Ban thi

b1. Các tổ ra thi và các thành viên khác của Ban thi làm việc tập thể và trực tiếp với Trưởng ban thi; người giao nhiệm vụ nào, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đó, không được tham gia các nhiệm vụ khác;

b2. Mỗi thành viên của Ban thi phải chịu trách nhiệm cá nhân về nội dung, mật độ bí mật, an toàn của thi theo đúng chức trách của mình và theo nguyên tắc bảo mật quy định.

c. Nhiệm vụ và quy định của Ban thi

c1. Tổ chức số ngân hàng thi;

c2. Lựa chọn thi chính thức và dự hàng năm;

c3. Số ngân hàng dự định năm thi của chính thức và dự hàng năm;

c4. In sao thi đúng quy định, số lượng theo yêu cầu của Hội thi; đóng gói, bảo quản thi và bàn giao thi cho Hội thi;

c5. Mật độ tuy thủ bí mật, an toàn của thi và ngân hàng dự định thi trong khu vực ra thi tại lúc bắt đầu số thi cho những thí sinh thi cá nhân cùng các thi.

d. Trưởng Ban ra thi chịu trách nhiệm:

d1. Tổ chức và hành toàn bộ công tác ra thi và bàn giao thi cho Hội thi; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội thi;

d2. Xử lý các tình huống bất thường về thi;

e. Các thành viên của Hội thi ra thi thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Chủ tịch Hội thi ra thi.

4.2.2. Ban coi thi:

a. Thành phần Ban Coi thi gồm:

a1. Trưởng ban: do lãnh đạo Hội thi kiêm nhiệm;

a2. Phó trưởng ban: Lãnh đạo phòng đào tạo;
a3. Các kỹ viên và thí ký: Cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường;
a4. CBCT: Cán bộ, giảng viên trong Nhà trường; mỗi phòng thí có hai CBCT;

a5. Cán bộ giám sát, trợ thủ viên, nhân viên y tế, công an;

b. Chủ tịch Hội đồng thi cấp trường thí sinh ký danh thi tại điểm và lưu ký các sổ vở, quy định thành lập các điểm thi tại trường H, C, TC và các cơ sở giáo dục khác áp dụng các yêu cầu tổ chức thi. Trưởng điểm thi do Chủ tịch Hội đồng thi quy định lưu hành toàn bộ công tác coi thi tại điểm thi giao phó trách.

- CBCT không được làm nhiệm vụ tại điểm thi có nghi ngờ thân thi.

c. Trưởng Ban Coi thi chịu trách nhiệm lưu hành toàn bộ công tác coi thi tại Hội đồng thi, quy định xử lý các tình huống xảy ra trong các buổi thi.

d. Phó trưởng Ban Coi thi, Trưởng điểm thi thể hiện các công việc theo sự phân công của Trưởng Ban Coi thi.

e. CBCT, cán bộ giám sát phòng thí và các thành viên khác của Ban Coi thi chấp hành sự phân công của Trưởng Ban Coi thi, thể hiện đúng các quy định của quy chế; khi làm nhiệm vụ tại điểm thi phải tuân thủ lưu hành của Trưởng điểm thi.

4.2.3. Ban chấm thi:

a. Thành phần Ban Chấm thi gồm:

a1. Trưởng Ban: do lãnh đạo Hội đồng thi kiêm nhiệm;

a2. Phó trưởng Ban: Lãnh đạo phòng đào tạo;

a3. Các kỹ viên giám Trưởng môn chấm thi và cán bộ chấm thi (CBChT) là cán bộ, giảng viên trong Nhà trường. Mỗi môn thi phải có ít nhất 3 CBChT.

CBChT phải là người giảng dạy trực tiếp giảng dạy môn học phân công chấm. Giảng viên, giáo viên giảng trong thi kỳ tập sự và thành viên Ban Thí ký, Ban làm phách của Hội đồng thi không được chấm thi;

a4. Lực lượng bảo vệ: Cán bộ công an, bảo vệ;

Những người có nghi ngờ thân thi tại Hội đồng thi nào thì không được tham gia Ban Chấm thi của Hội đồng thi đó.

b. Trưởng Ban Chấm thi lưu hành công tác chấm thi và chịu trách nhiệm trực Chủ tịch Hội đồng thi về thi gian, quy trình và chất lượng chấm thi.

c. Phó trưởng Ban Chấm thi thực hiện các công việc theo sự phân công của Trưởng Ban Chấm thi.

d. Trưởng môn chấm thi chịu trách nhiệm trực tiếp Chỉ đạo Hội đồng thi và Trưởng Ban Chấm thi về việc chấm các bài thi thu về môn học giao phó trách và thực hiện các công việc dưới đây:

d1. Lập kế hoạch chấm thi, tổ chức giao nhận bài thi và phân công CBChT;

d2. Trước khi chấm, tổ chức cho CBChT thu về bộ môn học giao phó trách theo luận, năm và ngành để nắm vững đề cương, áp án, thang điểm. Trong quá trình chấm thi, thường xuyên tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm. Sau khi chấm xong, tổ chức họp CBChT thu về bộ môn học giao phó trách tổng kết;

d3. Thành viên Trưởng Ban Chấm thi thay đổi hoặc hình thành vị trí chấm thi ở vị trí CBChT chịu trách nhiệm, vi phạm quy chế thi hoặc chấm sai sót nhiều.

d4. Các thành viên Ban Chấm thi chấp hành sự phân công của Trưởng Ban, thực hiện đúng các quy định của quy chế thi; CBChT tuân thủ nghiêm túc hành trình thi của Trưởng môn chấm thi.

4.2.4. Ban phúc khảo:

a. Thành phần Ban Phúc khảo bài thi (nếu có) gồm:

a1. Trưởng Ban: do Lãnh đạo Hội đồng thi kiêm nhiệm. Trong cùng một kỳ thi, người làm Trưởng Ban Phúc khảo không đồng thời làm Trưởng Ban Chấm thi hoặc Trưởng Giám sát;

a2. Phó trưởng Ban: Lãnh đạo các phòng, ban trực thuộc Nhà trường;

a3. Các ủy viên: Cán bộ, giáo viên, giảng viên có chuyên môn tốt, năng lực giảng dạy môn học phân công chấm.

Những giảng viên, giáo viên đang trong thời kỳ tập sự, thành viên Ban Thanh lý không được tham gia chấm phúc khảo. Người đã chấm bài thi tại Ban Chấm thi nào thì không được chấm phúc khảo bài thi của Ban Chấm thi đó.

Những người có người thân dự thi tại Hội đồng thi nào thì không được tham gia Ban Phúc khảo của Hội đồng thi đó.

b. Ban Phúc khảo có nhiệm vụ:

b1. Kiểm tra các sai sót như các sai sót, ghi nhận điểm bài thi;

b2. Chấm lại các bài thi theo nguyện vọng của thí sinh;

b3. Trình Chỉ đạo Hội đồng thi quy định điểm bài thi sau khi đã chấm phúc khảo.

C. THI TUYỂN VÀ XÉT TUYỂN

1. XÉT TUYỂN SINH DỰNG KẾ THẠC SĨ VÀ KẾ THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

1.1. Phương án xét tuyển

1.1.1. Ngành xét tuyển:

- Ngành Khoa học Thương mại.
- Ngành Quản lý Văn hóa.
- Ngành Văn hóa Nam học (Chuyên ngành Hướng dẫn viên Du lịch).

1.1.2. Tổ hợp môn xét tuyển:

Xét tuyển bao gồm các tổ hợp môn sau: A00, A01, C00, D01,02,03,04,05,06

1.2. Ngành mỗibỏchỉlưu vào

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

1.3. Tổ chức xét tuyển

1.3.1. Về vị trí các trường

1.3.1.1. Lịch xét tuyển theo Quy định của Bộ GDĐT.

1.3.1.2. Điểm xét tuyển tối thiểu không thấp hơn điểm trúng tuyển tối thiểu.

1.3.1.3. Tổ chức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (KXT) của thí sinh theo quy định.

1.3.1.4. Căn cứ tiêu chuẩn tuyển sinh và số thí sinh đăng ký tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định phương án điểm trúng tuyển cho các ngành.

1.3.1.5. Công bố điểm KXT vào trường lên hệ thống quản lý dữ liệu tuyển sinh quốc gia; 1 ngày miễn phí công bố trên trang thông tin internet của trường danh sách các thí sinh KXT xếp theo kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Kết thúc miễn phí xét tuyển, công bố và ghi lên hệ thống quản lý dữ liệu tuyển sinh quốc gia điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển.

1.3.2. Về vị trí thí sinh:

1.3.2.1. Nhập học quy định thi phần A và lệ phí KXT cho trường qua ngân hàng miễn phí theo hình thức chuyển phát nhanh, đăng ký xét tuyển online hoặc nhập học trực tiếp tại trường.

1.3.2.2. Ngành ký xét tuyển I:

- Thí sinh dùng phôi tô Giấy ch ng nh n k t qu thi ng ký. Thí sinh ã trúng tuyển nguy n v ng I, không c KXT các t xét tuyển ti p theo;

- Trong th i gian quy nh c a t xét tuyển này, không c quy n thay i ngành h c ã ng ký ho c rút h s KXT n p vào tr ng khác.

1.3.2.3. Ngành ký xét tuyển nguy n v ng b sung:

- Thí sinh dùng phôi tô Giấy ch ng nh n k t qu thi ng ký;

- Trong th i gian quy nh c a t xét tuyển nguy n v ng b sung, không c quy n thay i ngành h c ã ng ký ho c rút h s KXT n p vào tr ng khác.

1.3.2.4. Thí sinh ch u trách nhi m v tính xác th c c a các thông tin trong h s KXT và h s ng ký d thi.

2. XÉT TUYỂN S D NG K T QU H C T P N M H C L P 12 THPT

2.1. Ph ng án xét tuyển

2.1.1. Ngành xét tuyển:

- Ngành Khoa h c Th vi n.

- Ngành Qu n lý v n hóa.

- Ngành Vi t Nam h c (Chuyên ngành H ng d n viên Du l ch).

2.1.2. T h p môn xét tuyển:

Xét tuyển k t qu h c t p n m l p 12 THPT, bao g m các t h p môn sau: A00, A01, C00, D01,02,03,04,05,06

2.2. Ng ng m b o ch t l ng u vào

- T t nghi p THPT ho c t ng ng.

2.3. T ch c xét tuyển

2.3.1. i v i các tr ng

2.3.1.1. L ch xét tuyển:

- Th i gian n p h s KXT t ngày 20/05/2016 n h t ngày 15/11/2016.

- Xét tuyển theo kết quả học tập THPT các thí sinh thành niên, mặt khác cách nhau 10 ngày.

2.3.1.2. Thí sinh xét tuyển tốt sau không thể phân bổ trúng tuyển tốt trực tiếp.

2.3.1.3. Tổ chức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (KXT) của thí sinh theo quy định.

2.3.1.4. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh các tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định phân bổ trúng tuyển cho các ngành.

2.3.1.5. Cập nhật dữ liệu KXT vào trang lên trang thông tin internet của trường danh sách các thí sinh KXT xếp theo kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Kết thúc mặt khác xét tuyển, công bố danh sách thí sinh trúng tuyển.

2.3.2. Về thí sinh:

2.3.2.1. Nhập học quy định tại phần A và lệ phí KXT cho trường qua ngân hàng theo hình thức chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp tại trường.

2.3.2.2. Đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh dùng bản photo có công chứng học bạ THPT và bản ghi chép nội dung học bạ THPT xét tuyển. Thí sinh đã trúng tuyển không cần KXT các trường xét tuyển tiếp theo;

- Trong thời gian quy định của trường xét tuyển này, thí sinh không được thay đổi ngành học đã đăng ký hoặc rút hồ sơ KXT nộp vào trường khác.

1. XÉT TUYỂN

1.1. Phân bổ xét tuyển

1.1.1. Ngành xét tuyển:

- Ngành Khoa học Thương mại.

- Ngành Quản lý văn hóa.

- Ngành Văn Nam học (Chuyên ngành Hướng dẫn viên Du lịch).

1.1.2. Phạm vi xét tuyển: Tuyển sinh trong các tỉnh.

1.2. Nguyên nhân bố trí công nhân vào

- Tổ chức thi THPT;
- Có số công nhân tham gia học tập;

1.3. Tổ chức xét tuyển

1.3.1. Quy trình

1.3.1.1. Lịch xét tuyển:

- Thời gian nộp hồ sơ KXT từ ngày 20/05/2016 đến hết ngày 15/11/2016.

- Xét tuyển theo kế hoạch học tập THPT của các tỉnh thành miền Bắc, miền Trung và miền Nam cách nhau 10 ngày.

1.3.1.2. Thời gian xét tuyển kết thúc không tính phần thi trúng tuyển kết thúc.

1.3.1.3. Tổ chức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (KXT) của thí sinh theo quy định.

1.3.1.4. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh đăng ký tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định phương án thi trúng tuyển cho các ngành.

1.3.1.5. Công bố danh sách thí sinh KXT vào trang thông tin điện tử của trường danh sách các thí sinh KXT xếp theo kế hoạch thi tốt nghiệp THPT.

Kết thúc công tác xét tuyển, công bố danh sách thí sinh trúng tuyển.

1.3.2. Quy trình thí sinh:

1.3.2.1. Nộp hồ sơ quy định tại phần A và lệ phí KXT cho trường qua ngân hàng theo hình thức chuyển phát nhanh hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại trường.

1.3.2.2. Đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh dùng bản photo có công nhân học THPT và bản ghi tên thí sinh học gì ý định học THPT để xét tuyển. Thí sinh đã trúng tuyển không cần KXT các tổ chức xét tuyển tiếp theo;

- Trong thời gian quy định của tổ chức xét tuyển này, thí sinh không được thay đổi ngành học đã đăng ký hoặc rút hồ sơ KXT nộp vào trường khác.

3. THI TUYỂN KẾT THÚC VÀ XÉT TUYỂN KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2015-2016

3.1. Phương án thi kết thúc và xét tuyển:

3.1.1. Ngành học:

- Số ngành Âm nhạc
- Số ngành Âm nhạc (Chuyên ngành: Số ngành Nhạc-Họa-mỹ thuật)
- Số ngành Mỹ thuật
- Biên dịch nhà xuất bản
- Biên dịch nhà xuất bản Tây
- Hà
- Hải

3.1.2. Môn thi tuyển và xét tuyển:

- Xét tuyển kết quả học tập năm lớp 12 THPT môn Ngữ văn;
- Thi tuyển các môn Ngoại ngữ

3.2. Nguyên tắc bố trí nhập học:

- Tốt nghiệp THPT;
- Tổng điểm 3 môn tối thiểu 13.0 điểm trở lên (chưa nhân hệ số) và không có môn nào bằng 0 (không).
- Điểm môn Ngữ văn phải từ 5.0 điểm trở lên.

3.3. Tổ chức thi tuyển và xét tuyển

3.3.1. Tổ chức xét tuyển môn Ngữ văn

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thi tuyển sinh THPT

3.3.2. Tổ chức thi tuyển

3.3.2.1. Lịch thi tuyển:

- Thời gian nhập học: KĐT từ ngày 20/5 đến ngày 20/09/2016.

Tổ chức 03 đợt thi tuyển kết thúc và xét tuyển các ngành ngoại ngữ.

t 1:

T h p môn N00, H00 (n ng khi u) t 20 n 23/7/2016

Ngày 20/7 làm th t c t i phòng thi,

Ngày 21, 22/7 thi các môn n ng khi u.

t 2:

T h p môn N00, H00 (n ng khi u) t 20 n 23/8/2016

Ngày 20/8 làm th t c t i phòng thi,

Ngày 21, 22/8 thi các môn n ng khi u.

t 3:

T h p môn N00, H00 (n ng khi u) t 20 n 23/9/2016

Ngày 20/9 làm th t c t i phòng thi,

Ngày 21, 22/9 thi các môn n ng khi u.

2.3.2.1. T ch c coi thi, ch m thi, ch m phúc kh o

Th c hi n theo các quy nh trong Quy ch thi THPT qu c gia.

3.4. Quy trình thi n ng khi u Âm nh c dành cho các ngành: S ph m Âm nh c (CN: S ph m Âm nh c và CN: S ph m Nh c- H a m m non), Thanh nh c, Bi u di n nh c c truy n th ng, Bi u di n nh c c ph ng Tây, c th nh sau:

- Thí sinh thi theo danh sách, bu i thi ã c công b (t 1: Chi u ngày 19/7/2016, t 2: Chi u ngày 19/8/2016, t 3: Chi u ngày 19/9/2016). n bu i thi, thí sinh có m t t i khu v c thi (theo s), ch g i tên và làm th t c nh n phách vào phòng thi.

- Thí sinh sau khi c g i tên, n bàn Th ký n p th d thi, gi y CMND, b c th m vào phòng thi và nh n phi u d thi N ng khi u t i bàn th ký. Th ký ghi s phách vào phi u d thi và phát cho thí sinh.

- Thí sinh vào phòng thi, trình phi u d thi có ghi s phách cho Cán b ch m thi, b c th m thi và th hi n bài thi (thi c 2 môn n ng khi u trong cùng 1 phòng thi).

- Sau khi thí sinh d thi xong, quay l i bàn Th ký nh n l i th d thi và ký tên (xác nh n ã d thi môn N ng khi u Âm nh c) vào danh sách d thi.

D. XÁC NHĨ M TRÚNG TUY N VÀ TRI U T P THĨ SINH TRÚNG TUY N

1. Xác nhĩ m trúng tuy n

C n c ch tiêu tuy n sinh và s thí sinh c tuy n th ng, H TS tr ng xem xét, quy t nh ph ng án i m trúng tuy n cho các ngành.

2. Tri u t p thí sinh trúng tuy n

2.1. Thí sinh trúng tuy n do Hi u tr ng tr ng tr c ti p xét duy t danh sách và ký gi y báo trúng tuy n tri u t p thí sinh trúng tuy n nh p h c. Trong gi y báo trúng tuy n ã ghi rõ nh ng i u ki n c n thi t làm th t c nh p h c.

2.2. Thí sinh trúng tuy n khi nh p h c nhà tr ng ph i h p v i b nh vi n khu v c ki m tra s c kho . Gi y ch ng nh n s c kh e c b sung vào h s qu n lý h c sinh, sinh viên. S khám s c kho c a m i h c sinh, sinh viên c giao cho h c sinh, sinh viên t qu n lý.

2.3. Thí sinh trúng tuy n khi n tr ng nh p h c mang theo gi y báo trúng tuy n, b n sao h p l nh ng gi y t sau ây:

2.3.1. H c b và b ng t t nghi p THPT ho c gi y ch ng nh n t t nghi p (i v i nh ng ng i trúng tuy n ngay trong n m t t nghi p nh ng ch a c c p b ng t t nghi p). Nh ng ng i có gi y ch ng nh n t t nghi p, cu i n m h c ph i xu t trình b n chính b ng t t nghi p tr ng i chi u ki m tra;

2.3.2. Gi y khai sinh;

2.3.3. Các gi y t xác nh n là i t ng u tiên, khu v c u tiên (n u có) nh : gi y ch ng nh n con li t s ; th th ng binh, ch ng nh n c h ng chính sách nh th ng binh c a b n thân ho c c a b , m ...; h kh u th ng trú c a thí sinh;

2.3.4. Phi u khai báo t m v ng, phi u báo thay i nhân kh u, gi y di chuy n ngh a v quân s , gi y gi i thi u chuy n sinh ho t ng, oàn (n u có), 02 nh 3x4;

2.3.5. i v i thí sinh n tr ng nh p h c ch m sau 15 ngày tr lên k t ngày nh p h c ghi trong gi y tri u t p trúng tuy n:

a) N u không có lý do chính áng thì coi nh b h c;

b) N u n ch m do m au, tai n n, có gi y xác nh n c a b nh vi n qu n, huy n tr lên ho c do thiên tai có xác nh n c a chính quy n a ph ng, Tr ng xem xét quy t nh ti p nh n vào h c ho c b o l u k t qu tuy n sinh thí sinh vào h c n m sau.

3. Kiểm tra kết quả xét tuyển và hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

3.1. Sau khi tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh thực hiện hành kiểm tra kết quả tuyển sinh và tính hợp pháp của hồ sơ của thí sinh và vị trí của họ trong các quy định của H. TS. Nếu phát hiện các trường hợp vi phạm hoặc nghi vấn thì lập biên bản và có biện pháp xác minh, xử lý theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, Cao nguyên chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Sau khi học sinh, sinh viên nhập học, bên nào các giấy tờ theo quy định trong hồ sơ nhập học, kiểm tra vị trí chính. Trong quá trình thu nhận các giấy tờ của học sinh, sinh viên nhập học, nếu nhập học vị trí chính mà không có sai lệch cần bổ sung vào các giấy tờ nói trên: ngày, tháng, năm, “Ấm nhập học vị trí chính” rồi ký và ghi rõ họ, tên của vào hồ sơ quản lý học sinh, sinh viên. Trường hợp phát hiện thấy có sự cố báo cáo Hội đồng tuyển sinh xử lý theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, Cao nguyên chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

E. SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRONG CÔNG TÁC TUYỂN SINH

1. Ủy ban ngành dùng công nghệ thông tin trong thi và tuyển sinh; tăng cường truyền thông, cung cấp thông tin về thi và tuyển sinh

2. Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin phải có trình độ chuyên môn và phẩm chất tốt.

3. Chủ trì máy vi tính, máy in, laptop, máy fax, email, phần mềm tuyển sinh và hệ thống Website.

4. Thực hiện đúng (về cấu trúc, quy trình, thời hạn xử lý dữ liệu tuyển sinh) phần mềm xét tuyển của Bộ GDĐT trong các khâu công tác sau đây:

4.1. Nhập dữ liệu hồ sơ KXT của thí sinh

4.2. In Giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ kết quả thi của thí sinh.

4.3. Cập nhật thông tin KXT, danh sách thí sinh trúng tuyển vào hệ thống quản lý dữ liệu tuyển sinh quốc gia.

4.4. Tiến hành kiểm tra, nhập học thông tin trên hồ sơ KXT của thí sinh về thông tin trên cơ sở dữ liệu thi THPT quốc gia; ngừng thực hiện khâu kiểm tra này phải ký biên bản xác nhận và chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra.

4.5. Công bố danh sách thí sinh trúng tuyển trên trang thông tin internet của trường, trên trang thông tin internet của Bộ GDĐT và phương tiện thông tin đại chúng.

Ph n III
KHEN TH NG VÀ X LÝ VI PH M

1. Khen th ng

Ch t ch H i ng tuy n sinh các tr ng khen th ng ho c ngh c p có th m quy n khen th ng:

1.1. Nh ng ng i hoàn thành xu t s c nhi m v c giao.

1.2. Nh ng ng i có nhi u thành tích óng góp cho công tác tuy n sinh.

2. X lý thí sinh vi ph m và cán b làm công tác tuy n sinh vi ph m theo Quy ch tuy n sinh i h c, Cao ng h chính quy ban hành kèm theo Thông t s 03/2015/TT-BGD T ngày 26 tháng 02 n m 2015 c a B tr ng B Giáo d c và ào t o.

Ph n IV
CH BÁO CÁO VÀ L U TR

1. Ch báo cáo

1.1. Hàng tháng sau khi công b thông báo tuy n sinh (tháng 3/2016) Ban th ký tuy n sinh báo cáo ch t ch H TS tình hình tri n khai công tác tuy n sinh.

2.2. Tr c ngày 31 tháng 12 h ng n m, tr ng th c hi n các công vi c sau:

a) Báo cáo B GD T k t qu tuy n sinh c a tr ng.

b) Báo cáo B GD T thông tin tuy n sinh c a tr ng

2. L u tr

2.1. Các tài li u ch liên quan n k tuy n sinh, giao phòng ào t o b o qu n và l u tr trong su t khoá ào t o. H t khoá ào t o, Hi u tr ng ra quy t nh thành l p H i ng xét hu . Riêng các tài li u và k t qu xét tuy n (tên thí sinh, i m xét tuy n, i m trúng tuy n) yêu c u phòng ào t o l u tr theo quy nh.

2.2. T t c các tài li u b o qu n và l u tr theo quy nh c a Pháp l nh l u tr .

HI U TR NG

(ã ký)

PGS- TS Phan M u C nh